

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY GIANG
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 10/ 9/2024

"Về việc tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG, TỈNH QUẢNG NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bhlìng Biên
- Bà ALăng Thị Pari

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bơ nước Rè - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà ALăng Thị Tơ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Khu 4, xã C, huyện LT, tỉnh PT, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Coor Thị T, sinh năm 1985

Nơi thường trú: thôn V, xã Tr, huyện TG, tỉnh QN, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Coor Thị T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện LT, tỉnh PT vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngày 28/4/2018 chị T bỏ về quê sinh sống với gia đình tại thôn V, xã Tr, huyện TG, tỉnh QN, anh T có liên lạc qua điện thoại với chị T nhiều lần đề vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T cương quyết không về nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên anh T làm đơn xin được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Anh T khẳng định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Coor Thị T vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng gia đình chị T đều nhận được sau đó thông báo lại cho chị T, chị T đã biết việc Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị T đang làm công nhân tại thành phố Đà Nẵng, thông qua gia đình chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị T. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn V, xã Tr, huyện TG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị T được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả anh T và chị T là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Coor Thị T có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện LT, tỉnh PT vào năm 2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh T và chị T chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, năm 2018 chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Tr, huyện TG sinh sống và đi làm công nhân tại thành phố Đà Nẵng, mặc dù anh T nhiều lần liên lạc qua điện thoại để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T cương quyết không về. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ vào lời khai của bố đẻ chị T là ông Coor T1 và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương xã Tr, huyện TG thấy phù hợp với lời trình bày của anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định anh T và chị T đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, do vậy tình trạng hôn nhân của anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy chị T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho anh T được ly hôn chị T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Coor Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Anh T nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) do anh Nguyễn Anh T đã nộp theo biên lai thu số 0004255 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Giang thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã C, huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hân